

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số: 05/2019/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A, ngày 24 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Duy Thạch

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số: 13/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 04/2019/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* + Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam; địa chỉ: Số X đường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam: Bà Trần Thị Thanh B - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh L (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 02 năm 2018).

+ Ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H; đều cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện của ông Phạm Văn V: Bà Vũ Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2019)

+ Ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O; đều cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện của ông Phạm Văn Đ: Bà Bùi Thị O (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2019)

+ Ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D; đều cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bà Trần Thị Thanh B, ông Trần Văn Đ1, bà Đồng Thị D, bà Vũ Thị H, bà Bùi Thị O đều có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam, ông Trần Văn Đ1, bà Đồng Thị D, bà Vũ Thị H và bà Bùi Thị O với tư cách là người yêu cầu trình bày:

Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông C (nay là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt nam, sau đây gọi tắt là ngân hàng) - Chi nhánh L và ông Phạm Văn V, bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn Đ, bà Bùi Thị O có quan hệ tín dụng như sau:

- Bà Bùi Thị O, ông Phạm Văn Đ và Ngân hàng - Chi nhánh L có ký hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2011 có nội dung Ngân hàng cho ông Đ, bà O vay 198.000.000đ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; lãi suất cho vay 24%/năm.

- Bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn V và Ngân hàng - Chi nhánh L có ký hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2011 có nội dung Ngân hàng cho ông V, bà H vay 198.000.000đ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; lãi suất cho vay 24%/năm.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 19, xã L (địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 158574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00030 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 4 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D. Việc thế chấp tài sản đã được lập hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn V đã được Ngân hàng giải ngân cho vay 198.000.000đồng; bà Bùi Thị O, ông Phạm Văn Đ cũng đã được Ngân hàng giải ngân cho vay 198.000.000đồng nhưng do kinh doanh khó khăn, ông Phạm Văn V, bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Đ, bà Bùi Thị O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H còn nợ Ngân hàng 414.592.684đồng; trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đồng, lãi quá hạn là 64.785.438đồng; ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O còn nợ Ngân hàng 413.272.252đồng; trong đó nợ gốc là 190.200.000đồng, nợ lãi trong hạn là 162.119.417đồng, lãi quá hạn là 60.952.836đồng.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện A, Ngân hàng và các bên đương sự đã thỏa thuận hòa giải thành và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung sau:

- Về số nợ:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011: Tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H còn nợ Ngân hàng 414.592.684đ; trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ

+ Đối với hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2011: Tính đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O còn nợ Ngân hàng 413.272.252đ; trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ.

- Về số lãi phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2019: Kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải trả cho ngân hàng 414.592.684đ (trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

+ Ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải trả cho ngân hàng 413.272.252đ (trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về thời hạn trả nợ: Trước ngày 31 tháng 12 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm trả hết cho Ngân hàng 414.592.684đ (trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019; ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải có trách nhiệm trả hết cho Ngân hàng 413.272.252đ (trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H hoặc ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận như đã nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 19, xã L (địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 158574, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00030 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 4 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D để thu hồi

toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ được ưu tiên thanh toán cho hợp đồng tín dụng bị vi phạm nghĩa vụ thanh toán trước, số tiền còn lại được thanh toán cho hợp đồng tín dụng còn lại; trường hợp cả hai hợp đồng bị vi phạm cùng thời điểm thì số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ được chia theo tỷ lệ 50/50.

Sau khi thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán cho cả hai hợp đồng nêu trên, số tiền thu được từ việc phát mại tài sản, nếu còn thừa sẽ được thanh toán trả lại cho ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D. Nếu còn thiếu, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H hoặc ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O sẽ phải có trách nhiệm thanh toán hết.

- Về lệ phí và tạm ứng lệ phí: Ngân hàng chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu là các đương sự giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo nội dung trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu: Đề nghị Tòa án căn cứ các điều 417, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng và các đương sự về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án huyện A. Ngân hàng phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Đây là việc dân sự: "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án", nên theo quy định tại khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba; các bên tham gia thỏa thuận hòa giải đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thỏa thuận hòa giải nên thỏa thuận của các bên đương sự được Tòa án chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Các đương sự đã thỏa thuận Ngân hàng chịu cả lệ phí việc dân sự nên Ngân hàng phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 6, Điều 31; điểm s, khoản 2, Điều 39; các điều 143, 149, 367; 369; 370, 417; 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019, cụ thể như sau:

- Về số nợ:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011: Tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 414.592.684đ; trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ

+ Đối với hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2011: Tính đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O còn nợ Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 413.272.252đ; trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ.

- Về số lãi phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2019: Kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 414.592.684đ (trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

+ Ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 413.272.252đ (trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về thời hạn trả nợ: Trước ngày 31 tháng 12 năm 2019, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm trả hết cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 414.592.684đ (trong đó: nợ gốc là 196.000.000 đ, nợ lãi trong hạn là 153.807.246 đ, lãi quá hạn là 64.785.438đ) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng tín dụng số N.C.1110.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019; ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O phải có trách nhiệm trả hết cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 413.272.252đ (trong đó nợ gốc là 190.200.000 đ, nợ lãi trong hạn là 162.119.417 đ, lãi quá hạn là 60.952.836 đ) và

toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng tín dụng số N.C.1111.11/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2011 kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H hoặc ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận như đã nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 19, xã L (địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 158574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00030 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 4 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ được ưu tiên thanh toán cho hợp đồng tín dụng bị vi phạm nghĩa vụ thanh toán trước, số tiền còn lại được thanh toán cho hợp đồng tín dụng còn lại; trường hợp cả hai hợp đồng bị vi phạm cùng thời điểm thì số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ được chia theo tỷ lệ 50/50.

Sau khi thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán cho cả hai hợp đồng nêu trên, số tiền thu được từ việc phát mại tài sản, nếu còn thừa sẽ được thanh toán trả lại cho ông Trần Văn Đ1 và bà Đồng Thị D. Nếu còn thiếu, ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị H hoặc ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị O sẽ phải có trách nhiệm thanh toán hết.

Điều 2. Lệ phí: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 004160 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên không phải nộp nữa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Duy Thạch

